

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-03-2025
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tien, bà Lò Thị Minh.

- Thư ký pH tòa: Ông Nguyễn Trọng Định - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia pH tòa: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn pH tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản Hin Phá, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Bản Hin Phá, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La. Vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lường Thị T bày:

Chị T và anh Hà Văn H kết hôn với nhau ngày 06/11/1998, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu. Sau ngày cưới vợ chồng ở riêng tại xã Chiềng Hắc, thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 01 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không chịu tu chí làm ăn, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét

thấy tình cảm vợ, chồng không còn, nguyện vọng của chị T xin được ly hôn với anh Hà Văn H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Hà Văn H có 02 con chung: Cháu Hà Văn H, sinh ngày 17/11/1999 đã trưởng T (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và cháu Hà Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2003 (Đã chết năm 2020), chị không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hà Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Hà Văn H nơi anh H sinh sống, nhưng anh H, không ký nhận và không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị Lương Thị T xin ly hôn, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại pH tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng T phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của pH tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến pH tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng anh H cố tình vắng mặt, không đến tham gia pH tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Cháu Hà Văn H, sinh ngày 17/11/1999 đã trưởng T (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và cháu Hà Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2003 (Đã chết năm 2020), chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại pH toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn H có địa chỉ tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu (Nay thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn anh Hà Văn H: Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh H đều không có mặt, không có ý kiến của anh H về việc khởi kiện xin ly hôn của chị T, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu (Nay là thị xã Mộc Châu), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại pH tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh H là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị T ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Hà Văn H1, sinh ngày 17/11/1999 đã trưởng T (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và cháu Hà Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2003 (Đã chết năm 2020), chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn với anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Cháu Hà Văn H1, sinh ngày 17/11/1999 đã trưởng T (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và cháu Hà Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2003 (Đã chết năm 2020), chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Lường Thị T không kê khai, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002857 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/3/2025.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Đã ký

Đào Ngọc Hà